

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2021N

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1961;** Hộ khẩu thường trú: C T, phường T L, quận H M, TP Hà NộiN

- **Chị Lê Thị C, sinh năm 1964;** Hộ khẩu thường trú: C T, phường T L, quận H M, TP Hà Nội; Hiện trú tại: PN, CTN khu đô thị N L, phường Phú Thượng, quận T H, TP Hà NộiN

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Đức L và chị Lê Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 08/9/1987 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, xác định đây là hôn nhân hợp phápN

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, lối sốngN Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hônN Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị C, anh L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhậnN

[2] Về con chung: Anh L, chị C cùng xác nhận anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 05/5/1990, Nguyễn Hng N, sinh ngày 23/01/1997 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09/9/2000N Anh chị xác nhận cả ba con chung đều đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống ổn định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyếtN

[3] Về tài sản chung: Anh L, chị C cùng xác nhận anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyếtN

Về công nợ chung: Anh L, chị C cùng xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu C Tòa án giải quyếtN

[4]NVề lệ phí: Anh L tự nguyện nộp toàn bộ 300N000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm anh L đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 00N ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T HN

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đóN

QUYẾT ĐỊNH:

1N Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức L và chị Lê Thị C thuận tình ly hônN
- Về con chung: Anh L, chị C có 03 con chung là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 05/5/1990, Nguyễn Hng N, sinh ngày 23/01/1997 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09/9/2000N Anh chị xác nhận cả ba con chung đều đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống ổn định, anh chị không yêu C giải quyết nên Tòa án không xétN
- Về tài sản chung: Anh L, chị C cùng xác nhận anh chị tự thỏa thuận không yêu C giải quyết nên Tòa án không xétN
- Về công nợ chung: Anh L, chị C cùng xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu C giải quyết nên Tòa án không xétN

2N Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức L tự nguyện nộp toàn bộ 300N000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00N ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T HN

3N Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩmN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND phường, qN h, HN
(đăng ký kết hôn số 50/quyển 3);
- Lưu H sơN

THẨM PHÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....N, ngày ...NN tháng ...N nămN

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂNNN

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

NN
NN

Nơi nhân:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự N

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam)N

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu C;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].